

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 06/2005/TT-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2005

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 16/2001/NĐ-CP
ngày 2/5/2001 của Chính phủ "Về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê
tài chính"
và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005 của Chính phủ "Quy định về
việc sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 2/5/2001 của Chính
phủ
về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính"***

Căn cứ Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ "Về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính" và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005 của Chính phủ "Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính", Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) hướng dẫn thực hiện một số nội dung được quy định tại các Nghị định này như sau:

Mục I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

- Giải thích từ ngữ: Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - Bên thuê: Là các tổ chức hoạt động tại Việt Nam, cá nhân sinh sống, làm việc tại Việt Nam, trực tiếp sử dụng tài sản thuê cho mục đích hoạt động của mình, bao gồm:
 - Cá nhân, hộ gia đình;

b) Doanh nghiệp;

c) Các tổ chức khác thuộc đối tượng được vay vốn của các tổ chức tín dụng.

1.2. Tổ chức tín dụng nước ngoài: Là ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính nước ngoài hoặc tổ chức tài chính quốc tế được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc quốc tế, tham gia góp vốn vào Công ty cho thuê tài chính liên doanh, Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam.

1.3. Vốn pháp định: Là mức vốn điều lệ tối thiểu phải có theo quy định của Chính phủ để thành lập Công ty cho thuê tài chính.

1.4. Vốn điều lệ: Là số vốn do Nhà nước, tổ chức tín dụng có Công ty cho thuê tài chính trực thuộc, tổ chức tín dụng nước ngoài cấp hoặc do các tổ chức, cá nhân góp hoặc mua cổ phần và được ghi vào điều lệ của Công ty cho thuê tài chính.

1.5. Thành viên sáng lập: Là các tổ chức, cá nhân tham gia thông qua điều lệ đầu tiên của Công ty cho thuê tài chính.

2. Các loại hình Công ty cho thuê tài chính:

2.1. Công ty cho thuê tài chính Nhà nước: Là công ty cho thuê tài chính do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh. Việc cấp giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính Nhà nước được thực hiện theo hướng dẫn riêng của Ngân hàng Nhà nước

2.2. Công ty cho thuê tài chính cổ phần: Là công ty cho thuê tài chính được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, trong đó các tổ chức, cá nhân cùng góp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

2.3. Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng (sau đây gọi tắt là Công ty cho thuê tài chính trực thuộc): Là công ty cho thuê tài chính có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, do một tổ chức tín dụng (tổ chức tín dụng chủ sở hữu) thành lập bằng vốn tự có của mình.

2.4. Công ty cho thuê tài chính liên doanh: Là công ty cho thuê tài chính được thành lập bằng vốn góp giữa bên Việt Nam gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam và bên nước ngoài gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước

ngoài, trên cơ sở hợp đồng liên doanh. Bên Việt Nam phải có ít nhất một tổ chức tín dụng Việt Nam là thành viên của Công ty cho thuê tài chính liên doanh.

2.5. Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài: Là công ty cho thuê tài chính được thành lập bằng vốn góp của một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Thời hạn hoạt động của Công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam tối đa là 50 (năm mươi) năm. Trường hợp cần gia hạn thời gian hoạt động phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Mỗi lần gia hạn không quá 50 (năm mươi) năm.

Đối với những Công ty cho thuê tài chính đã được thành lập và cấp giấy phép hoạt động trước ngày Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/05/2001 của Chính phủ có hiệu lực, thời hạn hoạt động được áp dụng như quy định trong Giấy phép hoạt động đã cấp.

4. Hình thức góp vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Công ty cho thuê tài chính được đóng góp dưới những hình thức sau:

4.1. Bằng tiền:

a) Đối với Công ty cho thuê tài chính Nhà nước, Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng và Công ty cho thuê tài chính cổ phần, vốn điều lệ được góp bằng Đồng Việt Nam.

b) Đối với Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài: Các bên nước ngoài trong Công ty được góp vốn điều lệ bằng ngoại tệ hoặc bằng Đồng Việt Nam có nguồn gốc từ đầu tư hợp pháp tại Việt Nam. Các bên Việt Nam tham gia vào Công ty cho thuê tài chính liên doanh có thể góp vốn bằng Đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ. Trường hợp các bên góp vốn bằng Đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ không phải Đôla Mỹ, số tiền góp vốn điều lệ phải được quy đổi ra Đôla Mỹ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm góp vốn.

4.2. Bằng tài sản khác: Phải là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất hợp pháp của bên góp vốn và là tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động

của Công ty cho thuê tài chính (không bao gồm các tài sản dùng để cho thuê). Việc định giá và chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất và tỷ lệ góp vốn bằng tài sản được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

5. Tỷ lệ góp vốn điều lệ, chuyển nhượng phần vốn góp, phân chia lợi nhuận và chịu rủi ro của Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài:

5.1. Tỷ lệ góp vốn điều lệ: Tỷ lệ góp vốn điều lệ của bên nước ngoài và bên Việt Nam trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh do các bên thỏa thuận và được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Phần vốn góp của bên nước ngoài không được ít hơn 30% vốn điều lệ của Công ty.

5.2. Chuyển nhượng phần vốn góp:

a) Bên Việt Nam và Bên nước ngoài trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh được quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình nhưng phải đảm bảo tỷ lệ góp vốn điều lệ theo quy định tại điểm 5.1 Thông tư này và phải ưu tiên chuyển nhượng cho các bên trong liên doanh. Trong trường hợp chuyển nhượng cho tổ chức khác thì điều kiện chuyển nhượng không được thuận lợi hơn trường hợp chuyển nhượng cho các bên trong liên doanh. Việc chuyển nhượng vốn phải được các bên trong công ty cho thuê tài chính liên doanh thỏa thuận.

b) Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài có quyền chuyển nhượng vốn của mình sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

c) Trường hợp việc chuyển nhượng vốn của Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài làm thay đổi loại hình công ty cho thuê tài chính, Công ty phải thực hiện điều chỉnh phù hợp với loại hình công ty đã được quy định.

d) Trường hợp chuyển nhượng vốn của Công ty cho thuê tài chính có phát sinh lợi nhuận thì bên chuyển nhượng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5.3. Phân chia lợi nhuận và chia sẻ rủi ro: Các bên tham gia trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh phân chia lợi nhuận và chịu rủi ro trong Công ty theo tỷ lệ góp

vốn của mỗi bên, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác được quy định trong hợp đồng liên doanh và phù hợp với luật pháp Việt Nam.

Mục II

QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

ĐỐI VỚI CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

6. Điều kiện để được cấp giấy phép thành lập và hoạt động đối với Công ty cho thuê tài chính (sau đây gọi tắt là giấy phép):

6.1. Điều kiện chung:

- a) Có nhu cầu hoạt động cho thuê tài chính trên địa bàn xin hoạt động;
- b) Có đủ vốn pháp định theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c) Thành viên sáng lập là các tổ chức, cá nhân có uy tín và năng lực tài chính;
- d) Người quản trị, điều hành có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của Công ty cho thuê tài chính và quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- e) Có dự thảo điều lệ về tổ chức và hoạt động phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng, Nghị định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính và các quy định khác của pháp luật;
- g) Có phương án kinh doanh khả thi;
- h) Tổ chức tín dụng chủ sở hữu có thời gian hoạt động ít nhất là 03 (ba) năm.

6.2. Đối với Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài, ngoài các quy định nêu tại điểm 6.1 nêu trên, bên nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thực hiện hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động cho thuê tài chính;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép hoạt động tại Việt Nam.

7. Hồ sơ cấp giấy phép:

7.1. Đơn xin cấp giấy phép:

- a) Đối với Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng: Đơn xin cấp giấy phép do Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng chủ sở hữu hoặc người được